

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,  
hợp đồng thế chấp tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phương Nhân.

2. Ông Lê Huỳnh Sinh .

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Nguyễn Tường Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2025/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2026/QĐST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần S1) (S2).

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M, chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Cao H. Chức vụ: Trưởng phòng G – T, Ngân hàng TMCP S Chi nhánh N1 (S2) theo quyết định số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024.

Địa chỉ: Đường T, Lô T và Lô T, khu đô thị M, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng D, Chuyên viên Ngân hàng TMCP S Chi nhánh N1 (S2) theo quyết định số 26.2026.GUQ-SACOMBANK.PRTC ngày 28/4/2026.

Địa chỉ: G T, phường P, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

## **2. Bị đơn:**

2.1 Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

2.2 Bà Châu Trần Phương T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường L, tổ dân phố G, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/6/2025, ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S) (say đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng (Áp dụng cho phương thức không phải hạn mức), số 202528186450 số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 06 tháng 6,6%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 29/8/2023, bà T lập giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân), hạn mức thẻ 30.000.000 đồng. Lãi suất tại thời điểm cấp thẻ: 33,2%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay, giữa Ngân hàng và ông N, bà T đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 649/TC23/PGD ngày 19/10/2023 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 649/TC23/PGD-01 ngày 11/06/2025 đối với thửa đất số: 375, Tờ bản đồ số: 2-(11) tọa lạc tại phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DE 283201, số vào sổ cấp GCN: CS 02918 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh N cấp ngày 16/6/2022 và cập nhật sang tên bà T ngày 23/6/2022.

Do ông N, bà T đã vi phạm hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng ông N, bà T không thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Việc khách hàng không thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký kết phát sinh nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 17/6/2026 là 2.136.866.463 đồng, trong đó: số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn 100.992.828 đồng, lãi quá hạn 33.907.431 đồng, lãi chậm trả 1.966.204 đồng.

Buộc bà Châu Trần Phương T thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 17/6/2026 là 42.090.853 đồng, trong đó: Số tiền gốc: 32.306.152 đồng, số tiền lãi: 9.650.664 đồng.

Buộc ông N, bà T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 18/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định tại các Hợp đồng.

Buộc ông N, bà T tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 649/TC23/PGD ngày 19/10/2023 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 649/TC23/PGD-01 ngày 11/06/2025 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S được quyền thu giữ, phát mãi tài sản đảm bảo theo quy của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ vay.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, bà T nhưng ông N, bà T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký kết và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Bị đơn có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Khánh Hòa và phường P, tỉnh Khánh Hòa căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự,

Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hoà đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N, bà T đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông N, bà T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với khoản vay thẻ tín dụng:

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 29/8/2023, thấy rằng giấy tờ trên có chữ ký của bà Châu Trần Phương T nên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 29/8/2023, giữa Ngân hàng và bà T có lập Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng.

Đến hạn trả nợ T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chấm dứt khoản vay, chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận. Tính đến ngày 17/6/2025, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền: 42.090.853 đồng, trong đó nợ gốc vay là 32.306.152 đồng, tiền lãi: 9.650.664 đồng.

[2.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số :

Ngày 09/6/2025, ông N, bà T có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng (Áp dụng cho phương thức không phải hạn mức), số 202528186450 số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 06 tháng 6,6%. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Xét hợp đồng tín dụng thấy rằng: Chủ thẻ ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận và được ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Do đó, Hợp đồng tín dụng số ký ngày 09/6/2025 đã ký kết giữa Ngân hàng và ông N, bà T là hợp pháp, có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Việc ông N, bà T không thanh toán nợ theo Hợp đồng đã ký kết phát sinh nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 17/6/2026, ông N, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền: 2.136.866.463 đồng, trong đó: số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn 100.992.828 đồng, lãi quá hạn 33.907.431 đồng, lãi chậm trả 1.966.204 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông N, bà T vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài

liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 375, tờ bản đồ số: 2-(11) tọa lạc tại phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DE 283201, số vào sổ cấp GCN: CS 02918 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh N cấp ngày 16/6/2022 và cập nhật sang tên bà C Trần Phương T ngày 23/6/2022.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 649/TC23/PGD ngày 19/10/2023 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 649/TC23/PGD-01 ngày 11/6/2025 tại Phòng C1 tỉnh Ninh Thuận; đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ – Chi nhánh P - T ngày 19/10/2023. Các chủ thể ký kết hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Hợp đồng thế chấp và các Điều 317, 319 và 320, 466 của Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên cần được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa phù hợp với những nhận định nêu trên nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, 161, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 280, 317, 319, 320, 327, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần S1).

Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần S1) số tiền còn nợ tính đến ngày 17/6/2026 là: 2.136.866.463 đồng (bằng chữ: Hai tỷ một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 100.992.828 đồng, lãi quá hạn 33.907.431 đồng, lãi chậm trả 1.966.204 đồng.

Buộc bà Châu Trần Phương T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần S1) số tiền còn nợ tính đến ngày 17/6/2026 là: 42.090.853 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi nghìn tám trăm năm mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc 32.306.152 đồng, nợ lãi 9.784.701 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2026), ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì lãi suất mà ông N, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 649/TC23/PGD ngày 19/10/2023 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 649/TC23/PGD-01 ngày 11/6/2025 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 649/TC23/PGD ngày 19/10/2023 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 649/TC23/PGD-01 ngày 11/6/2025 là tài sản sau đây để thu hồi nợ: Thửa đất số 375, Tờ bản đồ số: 2-(11) tọa lạc tại phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh

Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DE 283201, số vào sổ cấp GCN: CS 02918 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh N cấp ngày 16/6/2022 và cập nhật sang tên bà C Trần Phương T ngày 23/6/2022.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T phải có nghĩa vụ liên đới nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh N và bà Châu Trần Phương T phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 74.737.329 đồng (bảy mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi chín đồng); Bà Châu Trần Phương T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.104.543 đồng (hai triệu một trăm linh bốn nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng).

H1 lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 36.800.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004238 ngày 03/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diệu**